

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v: Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Tấn;
2. Ông: Bùi Văn Ôn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà bà: Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà ông Bùi Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-ST ngày 14/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm Vôi, xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Văn S, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: xóm Vôi, xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nơi ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện số 2; Địa chỉ: phố Lốc, TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/5/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về tình cảm: chị và anh Bùi Văn S kết hôn từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản) và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau, đến đầu năm 2016 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, nguyên nhân là hai vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, anh S nghiện ma túy, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hiện nay, anh S bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02; Địa chỉ: phố Lốc, TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh S có 01 con chung là cháu Bùi Thành C (con trai), sinh ngày 19/11/2012. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và chưa yêu cầu anh S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết anh Bùi Văn S trình bày:

Về thời điểm kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày là đúng. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ đầu năm 2016 đến nay hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất hòa nguyên nhân là hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S nghiện ma túy, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Chị T đề nghị ly hôn anh S đồng ý.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh S có cháu Bùi Thành C (con trai), sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay cháu C đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và chưa yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 11/05/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn S và chị Bùi Thị T có nội dung:***

Anh Bùi Văn S và chị Bùi Thị T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh S không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Do nghiện ma túy, nên anh S bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02; địa chỉ tại phố Lốc, TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh S và chị T có 01 con chung là cháu Bùi Thành C, sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay, chị T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C.

Về điều kiện nuôi con của anh S và chị T:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức:
 - + Chị T luôn giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức: Trong mối quan hệ với hàng xóm, láng giềng tại nơi cư trú luôn vui vẻ, cởi mở, hòa đồng, luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của mọi người.
 - + Anh S là đối tượng nghiện ma túy, có lối sống không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, tính cách của con chung nếu giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.
- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: chị T hiện đang làm giáo viên, anh S có công việc chính là làm ruộng. Tuy có thu nhập nhưng anh S lại dùng thu nhập đó vào việc mua ma túy sử dụng cho bản thân. Do đó, chị T đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, anh S không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.
- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Chị T đang làm việc và sinh sống tại địa phương, thời gian làm việc không quá gò bó nên có đủ thời gian để dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh S hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C.
- Về chỗ ở: anh S và chị T có nhà cửa tại địa phương. Tuy nhiên, hiện nay anh S đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện nên không đảm bảo về chỗ ở, thời gian, kinh tế nếu được nuôi con.

Do đó, xét tất cả các yếu tố để đảm bảo điều kiện nuôi con nêu trên thì chị T đủ điều kiện nuôi con, anh S không đủ điều kiện để nuôi con.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn của chị T và anh S.
- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Thành C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T chưa yêu cầu anh S thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Văn S có hộ khẩu thường trú tại xóm Vôi, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị T và anh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Bùi Văn S đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

2 Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh S không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, anh S nghiện ma túy vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/5/2020, chị T và anh S đã tự nguyện ly hôn nên HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là phù hợp Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về con chung và cấp dưỡng:

Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Thành C, sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay, cháu C đang ở với chị T. Khi ly hôn, cả anh S và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa đề nghị người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Việc mong muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Xét thấy, cháu C hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, có thời gian chăm sóc

cháu C nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh S hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc vì vậy không có thời gian, chỗ ở, thu nhập ổn định và sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, lối sống của con chung nếu giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh sự xáo trộn không cần thiết cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con của chị T; căn cứ các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX thấy chưa cần thiết giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thành C, sinh ngày 19/11/2012 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002935 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND TT Vụ Bản;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa